

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MINERAL ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108627639

3. Ngày thành lập: 28/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 121/17, Đường Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
5.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
6.	Đúc kim loại màu (trừ vàng)	2432
7.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
8.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
9.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
10.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;)	2599
11.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
14.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
15.	Xây dựng công trình thủy	4291
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

19.	Phá dỡ	4311
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
22.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
23.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
24.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25.	Xuất bản phần mềm	5820
26.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Đào tạo trung cấp	8532
37.	Đào tạo cao đẳng	8533
38.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
39.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
40.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
41.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
42.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
43.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ vàng)	0722
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
45.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
46.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
47.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
48.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

49.	Sản xuất đường	1072
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	Đúc sắt, thép	2431
54.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
55.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
56.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
57.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
58.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
59.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
60.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
61.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
62.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
69.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
70.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
73.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
75.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
76.	Bán buôn thực phẩm	4632
77.	Bán buôn đồ uống	4633

78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn dụng cụ y tế;	4649
79.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
82.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
83.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
84.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
85.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
86.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
87.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
88.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
89.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
90.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
91.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
92.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
93.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

95.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
96.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
97.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
104.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
105.	Quảng cáo (trừ loại nhà nước cấm)	7310
106.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
107.	Đại lý du lịch	7911
108.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
110.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
111.	Khai thác quặng sắt	0710
112.	Khai thác muối	0893
113.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
115.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
116.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
117.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
118.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
119.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
120.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
121.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
122.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
123.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

124.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
125.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
126.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
127.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
128.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
129.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
130.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
131.	Xây dựng công trình điện	4221
132.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
133.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
134.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
135.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
136.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
137.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
138.	Điều hành tua du lịch	7912
139.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
140.	Khai thác gỗ (Trừ loại nhà nước cấm)	0220
141.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
142.	Khai thác và thu gom than non	0520
143.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
144.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
145.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
146.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
147.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
148.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
149.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
150.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

151.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
152.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
153.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
154.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (trừ vàng)	2591
155.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
156.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
157.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
158.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
159.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
160.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
161.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯU XUÂN QUÝ (TỨC LƯU VĂN QUÝ) Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: 12/08/1974 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: 024074000009
Ngày cấp: 09/04/2013 Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 26 ngõ 121/17 đường Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 26 ngõ 121/17 đường Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU XUÂN QUÝ (TỨC LƯU VĂN QUÝ) Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: 12/08/1974 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: 024074000009
Ngày cấp: 09/04/2013 Nơi cấp: *Cục CS QLHC về TTXH*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 26 ngõ 121/17 đường Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 26 ngõ 121/17 đường Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội